

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 12 – 2020

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 560/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 858/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Khu tập thể Minh Phú, ấp Thạnh, xã Lý Văn L, thành phố C, tỉnh Cà Mau..

- Bị đơn: Anh Võ Văn K, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu tập thể Minh Phú, ấp Thạnh, xã Lý Văn L, thành phố C, tỉnh Cà Mau..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, chị Phạm Thị N trình bày:

Hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện chung sống với nhau năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú H, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau ngày 25/11/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng 03 năm nay thường hay mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh K thường xuyên chơi bời, gây nợ nần, không quan tâm gia đình, không lo làm ăn. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh K vẫn không thay đổi. Chị và anh K đã sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay, nếu vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc, vì vậy chị yêu cầu ly hôn anh K

Con chung: Có 01 con chung tên Võ Vĩnh K1, sinh ngày 23/6/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không đặt ra nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp

đường nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải anh Võ Văn K trình bày:*

Anh K xác định lời trình bày của chị N về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh ít quan tâm vợ con. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn thương vợ nên xin cơ hội để hàn gắn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Anh Võ Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh K theo quy định.

[2] Hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị N và anh K tự nguyện chung sống với nhau năm 2001, đến ngày 25/11/2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú H, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau theo đúng quy định của pháp luật, vì vậy hôn nhân giữa chị N và anh K là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Về mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh K thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn, gây nợ nần, không quan tâm gia đình và trên thực tế anh chị đã sống riêng từ tháng 4/2020 cho đến nay, từ đó chị N cương quyết ly hôn với anh K, ngược lại anh K không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ. Tuy nhiên xét thấy tại phiên hòa giải anh K không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc K1c anh K vắng mặt tại phiên tòa, đã tự từ bỏ quyền được trình bày về giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để Hội đồng xét xử xem xét. Như vậy thấy rằng mâu thuẫn giữa chị N và anh K như đã nêu là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị N về việc được ly hôn anh K.

[3] Con chung: Có 01 con chung tên Võ Vĩnh K1, sinh ngày 23/6/2002. Hiện Võ Vĩnh K1 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh K xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

Hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Võ Văn K.

Con chung: Không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 21 tháng 10 năm 2020 chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0000075 được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Chị Phạm Thị N được quyền K1ng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Văn K được quyền K1ng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- UBND xã Phú H, huyện Cái N;;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Việt Trung